

Số: 15/2025/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 08 tháng 7 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - Đ

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 (NT) về việc “Thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Dương Ngọc M**, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đ (nay là xã Đ, tỉnh Đ).

Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1997

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh B (nay là xã C, tỉnh G).

Nơi ở hiện nay: Ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Đ (nay là xã T, tỉnh Đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Dương Ngọc M và chị Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 21 tháng 4 năm 2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Do đó, anh M và chị D thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn. Ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với anh M, chị D nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Ngọc M và chị Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 02 cháu là Dương Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 15/11/2022 và Dương Nguyễn Hồng A, sinh ngày 09/12/2024. Ly hôn, anh M và chị D thỏa thuận giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định.

[3]. Về tài sản chung: Anh M, chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Anh M và chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh M, chị D mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Ngọc M và chị Nguyễn Thị Diệp thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Dương Ngọc M đồng ý giao 02 con chung là Dương Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 15/11/2022 và Dương Nguyễn Hồng A, sinh ngày 09/12/2024 cho chị Nguyễn Thị Diệp trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí: Anh Dương Ngọc M, chị Nguyễn Thị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023392 và số 0023393 cùng ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Anh M và chị D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Thi hành án;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai

